

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tổ 23-Cụm 4 - Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Quý IV năm tài chính 2011

Tel: 04.37194353 Fax: 04.37183635

Mẫu số B01-DN

## DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320,431,314,371</b>	<b>143,967,711,040</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,048,957,982</b>	<b>6,397,016,990</b>
1. Tiền	111		3,048,957,982	6,397,016,990
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>52,556,900,000</b>	<b>41,936,900,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		52,556,900,000	41,936,900,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>93,335,882,514</b>	<b>36,606,504,911</b>
1. Phải thu khách hàng	131		62,664,546,894	9,514,641,624
2. Trả trước cho người bán	132		33,991,878,632	29,350,189,906
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		9,120,000	308,535,796
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,329,663,012)	(2,566,862,415)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>26,068,713,029</b>	<b>40,126,572,273</b>
1. Hàng tồn kho	141		26,115,167,888	41,042,681,055
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46,454,859)	(916,108,782)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>145,420,860,846</b>	<b>18,900,716,866</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,077,978,430	2,897,055,348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		132,342,882,416	16,003,661,518

<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320,431,314,371</b>	<b>143,967,711,040</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203,683,991,025</b>	<b>199,905,414,525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94,292,076,701</b>	<b>70,852,197,713</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>59,256,023,836</b>	<b>35,589,765,796</b>
- Nguyên giá	222		80,433,866,220	51,701,610,808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21,177,842,384)	(16,111,845,012)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>35,036,052,865</b>	<b>35,262,431,917</b>
- Nguyên giá	228		35,931,674,958	35,931,674,958
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(895,622,093)	(669,243,041)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>27,768,000,000</b>	<b>27,768,000,000</b>
- Nguyên giá	241		27,768,000,000	27,768,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>80,313,607,044</b>	<b>99,351,288,432</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		78,851,288,432	98,351,288,432
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,000,000,000	1,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		462,318,612	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,310,307,280</b>	<b>1,933,928,380</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		925,486,304	1,549,107,404
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		384,820,976	384,820,976
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>524,115,305,396</b>	<b>343,873,125,565</b>

<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320,431,314,371</b>	<b>143,967,711,040</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>136,191,755,673</b>	<b>138,582,365,605</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98,984,089,455</b>	<b>104,240,354,373</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		71,327,115,812	79,766,415,764
2. Phải trả người bán	312		411,527,271	11,993,613,575
3. Người mua trả tiền trước	313		11,502,600,000	4,087,651,233
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		13,603,794,935	6,293,509,234
5. Phải trả người lao động	315		647,086,462	-
6. Chi phí phải trả	316		781,268,765	550,986,378
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		147,635,217	1,168,298,868
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		563,060,993	379,879,321
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37,207,666,218</b>	<b>34,342,011,232</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	200,771,600
4. Vay và nợ dài hạn	334		37,198,525,818	30,509,231,651
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9,140,400	9,140,400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	3,622,867,581
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>383,570,174,648</b>	<b>199,176,115,880</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>383,570,174,648</b>	<b>199,176,115,880</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		347,730,000,000	163,752,780,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29,624,176,600	29,695,595,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(12,503,010,000)	(12,503,010,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,991,017,911	1,483,668,845
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		688,205,141	236,000,421
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15,039,784,996	16,511,081,114
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320,431,314,371</b>	<b>143,967,711,040</b>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>4,353,375,075</b>	<b>6,114,644,080</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>524,115,305,396</b>	<b>343,873,125,565</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			3,048,300
5. Ngoại tệ các loại	05			451.89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*Vương Thị Ánh Duyên*

*Đặng Thanh Nga*

*Đường Đức Hoà*

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT- QUÝ IV/2011**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		87,859,390,176	174,529,645,977	425,439,172,312	318,793,488,937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>87,859,390,176</b>	<b>174,529,645,977</b>	<b>425,439,172,312</b>	<b>318,793,488,937</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		83,406,671,126	165,144,072,167	390,964,783,938	277,209,957,120
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>4,452,719,050</b>	<b>9,385,573,810</b>	<b>34,474,388,374</b>	<b>41,583,531,817</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7,523,483,770	1,381,408,792	12,792,064,418	2,317,239,266
7. Chi phí tài chính	22		4,802,653,223	4,745,463,355	21,181,374,776	10,809,471,378
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,551,047,350	3,211,340,598	21,706,641,127	8,422,215,321
8. Chi phí bán hàng	24		98,411,634	742,415,143	3,104,155,966	1,478,859,935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,632,338,336	3,495,706,743	10,433,196,504	7,778,246,117
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>4,442,799,627</b>	<b>1,783,397,361</b>	<b>12,547,725,546</b>	<b>23,834,193,653</b>
11. Thu nhập khác	31		87,696,856	1,189,927,184	3,493,696,804	1,342,277,297
12. Chi phí khác	32		817,119	950,309,298	282,996,585	1,193,135,894
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>86,879,737</b>	<b>239,617,886</b>	<b>3,210,700,219</b>	<b>149,141,403</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	(1,406,798,283)	-	(2,148,711,568)
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4,529,679,364</b>	<b>616,216,964</b>	<b>15,758,425,765</b>	<b>21,834,623,488</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		355,064,596	345,399,690	3,787,232,382	5,238,262,248
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4,174,614,768</b>	<b>270,817,274</b>	<b>11,971,193,383</b>	<b>16,596,361,240</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,225,224,189)	(231,992,360)	(1,624,037,737)	670,431,268
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		5,399,838,957	502,809,634	13,595,231,120	15,925,929,972
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		200	33	504	1,062

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hoà

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15,758,425,765	21,834,623,488
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		5,292,376,424	5,340,875,442
- Các khoản dự phòng	03		(569,171,938)	1,310,350,422
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	791,857,672
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(2,181,035,796)
- Chi phí lãi vay	06		21,706,641,127	8,422,215,321
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>42,188,271,378</b>	<b>35,518,886,549</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(184,028,683,698)	(20,010,473,015)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14,927,513,167	(2,593,959,900)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13,754,939,859)	7,604,700,656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		623,621,100	(1,542,475,897)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21,706,641,127)	(8,137,299,496)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(4,467,734,734)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(3,900,739,872)	429,695,034
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(751,986,284)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(165,651,598,911)</b>	<b>6,049,352,913</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28,732,255,412)	(72,769,438,636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,620,000,000)	(100,836,900,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	62,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(101,050,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19,500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1,923,500,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19,852,255,412)</b>	<b>(210,732,838,636)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		183,905,801,100	158,374,845,500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(21,153,010,000)

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(1,750,005,785)	153,561,659,949
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(81,489,327,582)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(200,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>182,155,795,315</b>	<b>209,094,167,867</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3,348,059,008)</b>	<b>4,410,682,144</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6,397,016,990	1,986,461,959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(127,113)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3,048,957,982</b>	<b>6,397,016,990</b>

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*Vương Thị Ánh Duyên*

*Đặng Thanh Nga*

*Đường Đức Hoà*

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ. Kinh doanh ô tô. Kinh doanh mũ cao su các loại.
- Tổng số các công ty con** : 02  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

#### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần DC Phú Hà	Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	55,80%	55,80%
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Châu	Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	80,00 %	53,00%

#### 6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần Sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng	Nhà C35, lô C, tổ 20, cụm 5B An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	91,25%	50,00%

#### 7. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	Số 229A phố Đội Cung, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa	38,75%

#### 8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 71 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 150 nhân viên).



# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ hai Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### **4. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

---

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 08

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

---

### **9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **13. Chi phí trả trước dài hạn**

Các chi phí cải tạo, làm nội thất văn phòng thuê tại tòa nhà 59 Quang Trung và chi phí công cụ dụng cụ được tập hợp theo số thực tế phát sinh đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

### **14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, chi phí lãi vay phải trả

### **15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tập đoàn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

---

### **16. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### **17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Công ty mẹ***

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

#### ***Công ty con***

Công ty Cổ phần DC Phú Hà có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên TN chịu thuế.

Đơn vị được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 về hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1922100013 ngày 16 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18 tháng 01 năm 2008 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp – UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp thì đối với Dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đồ gỗ trang trí nội, ngoại thất và cho thuê nhà xưởng dư thừa thì áp dụng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm. Hoạt động cho thuê nhà xưởng đầu tư phải hạch toán riêng và chỉ được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với loại hình kinh doanh dịch vụ trong khu công nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Châu có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

### **19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

31/12/2011 : 20.828 VND/USD

### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.529.462.112	5.570.734.962
Tiền gửi ngân hàng	519.495.870	826.282.028
<b>Cộng</b>	<b><u>3.048.957.982</u></b>	<b><u>6.397.016.990</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>52.556.900.000</u></b>	<b><u>41.936.900.000</u></b>

### 3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>62.664.546.894</u></b>	<b><u>9.514.641.624</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>33.991.878.632</u></b>	<b><u>29.350.189.906</u></b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>9.120.000</u></b>	<b><u>309.535.796</u></b>

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.329.663.012)</u></b>	<b><u>(2.566.862.415)</u></b>

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>26.115.167.888</u></b>	<b><u>41.042.681.055</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>(46.454.859)</u>	<u>916.108.782</u>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	132.342.882.416	16.003.661.518
Thuế GTGT được khấu trừ	13.077.978.430	2.987.055.348
Cộng	<u>145.420.860.846</u>	<u>18.900.716.866</u>

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	51.701.610.808	(16.111.845.012)	35.589.765.796
Tăng trong kỳ	28.732.255.412	(5.065.997.372)	
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	<u>80.433.866.220</u>	<u>(21.177.842.384)</u>	<u>59.256.023.836</u>

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	35.931.674.958	(669.243.041)	35.262.431.917
Tăng trong kỳ		(316.379.052)	
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	<u>35.931.674.958</u>	<u>(985.622.093)</u>	<u>35.036.052.865</u>

### 12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m<sup>2</sup> đất tại khu cây đa tại Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Tập đoàn mua lại của cá nhân và HĐQT đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch HĐQT đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

### 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	38,75%	31.000.000.000	50,00%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng	91,25%	48.313.607.044	91,25%	48.313.607.044
Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO	0%	(462.318.612)	47,33%	35.037.681.388
Cộng		<u>78.851.288.432</u>		<u>98.351.288.432</u>

### 14. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

<b>15. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng Trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Cộng	<u>1.549.107.404</u>	<u>-</u>	<u>623.621.100</u>	<u>925.486.304</u>
<b>16. Tài sản dài hạn</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>384.820.976</u>	<u>384.820.976</u>
<b>17. Vay và nợ ngắn hạn</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>71.327.115.812</u>	<u>79.766.415.764</u>
<b>18. Phải trả cho người bán</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>411.527.271</u>	<u>11.993.613.575</u>
<b>19. Người mua trả tiền trước</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>11.502.600.000</u>	<u>4.087.651.233</u>
<b>20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>			<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Cộng			<u>13.603.794.935</u>	<u>11.329.597.171</u>
<b>21. Phải trả người lao động</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>647.086.462</u>	<u>-</u>
<b>22. Chi phí phải trả</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>781.268.765</u>	<u>550.986.378</u>
<b>23. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>147.635.217</u>	<u>1.168.298.868</u>
<b>24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>563.060.993</u>	<u>379.879.321</u>
<b>25. Vay và nợ dài hạn</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cộng			<u>37.198.525.818</u>	<u>30.509.231.651</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011****Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)****26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b>9.140.400</b>	<b>9.140.400</b>

**27. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Các cổ đông	347.730.000.000	163.752.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	29.624.176.600	29.695.595.500
Cổ phiếu quỹ	(12.503.010.000)	(12.503.010.000)
Quỹ đầu tư phát triển	2.991.017.911	1.483.668.845
Quỹ dự phòng tài chính	688.205.141	236.000.421
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.039.784.996	16.511.081.114
<b>Cộng</b>	<b>383.570.174.648</b>	<b>199.176.115.880</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.730.000	16.375.278
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	34.730.000	16.375.278
<i>Cổ phiếu thường</i>	34.730.000	16.375.278
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	301	301
<i>Cổ phiếu thường</i>	301	301
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.729.699	16.374.977
<i>Cổ phiếu thường</i>	34.729.699	16.374.977
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**28. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b>4.353.375.075</b>	<b>6.114.644.080</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>425.439.172.312</b>	<b>318.793.488.937</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>390.964.783.938</b>	<b>277.209.957.120</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011****Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>12.792.064.418</u>	<u>2.317.239.266</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>21.181.374.776</u>	<u>10.809.471.378</u>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>3.104.155.966</u>	<u>1.478.859.935</u>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>10.433.196.504</u>	<u>7.778.246.117</u>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>3.493.696.804</u>	<u>1.342.277.297</u>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cộng	<u>282.996.585</u>	<u>1.193.135.894</u>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.595.231.120	15.925.929.972
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>13.595.231.120</u>	<u>15.925.929.972</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>26.993.448</u>	<u>14.996.644</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>504</u>	<u>1.062</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các bên liên quan

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Đường Đức Hóa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh Nguyệt	Ủy viên HĐQT (vợ Tổng Giám đốc)
Ông Nguyễn Chí Dũng	Ủy Viên HĐQT
Bà Đường Lan Phương	Trưởng Ban kiểm soát

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

##### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh ô tô, mũ cao su.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	383.481.329.011	41.957.843.301	-	425.439.172.312
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	14.020.181.814	2.584.706.360	(16.604.888.174)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>397.501.510.825</b>	<b>44.542.549.661</b>	<b>(16.604.888.174)</b>	<b>425.439.172.312</b>
Chi phí bộ phận	(369.848.828.813)	(34.399.865.664)	13.183.910.539	(390.964.783.938)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	27.652.682.012	10.142.683.997	(3.420.977.635)	34.474.388.374
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(13.537.352.470)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.937.035.904
Doanh thu hoạt động tài chính				12.792.064.418
Chi phí tài chính				(21.181.374.776)
Thu nhập khác				3.493.696.804
Chi phí khác				(282.996.585)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.787.232.382)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>11.971.193.383</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU**

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2011 (tiếp theo)**

---

### **3. Thuê hoạt động**

#### ***Các hợp đồng đi thuê***

Công ty mẹ thuê nhà xưởng có diện tích 5.297 m<sup>2</sup> để xây dựng nhà máy sản xuất gỗ tại Tổ 23, Cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội với thời gian 20 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2001. Giá thuê của hợp đồng là 12.000.000 VND/tháng.

Công ty mẹ thuê văn phòng tại toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng số 987/HĐTVP-HACC1 ngày 14 tháng 07 năm 2010. Thời hạn của hợp đồng là 05 năm với giá thuê là 6.716,25 USD/ tháng.

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Vương Thị Ánh Duyên**

---

**Đặng Thanh Nga**

---

**Đường Đức Hóa**